

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị điện thoại là “ Trung tâm nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC)” theo quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 08 tháng 9 năm 1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 0301888195 ngày 23 tháng 7 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- **Vốn điều lệ** : 45.364.960.000 VND

Danh sách cổ đông sáng lập

Stt	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
	Đại diện phần vốn nhà nước:				
	Ông Lê Văn Giảng	270/9/22/5/ Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP HCM			
1	Ông Trần Việt Tổng	300/52 Nguyễn Văn Linh, KP4, Tổ 31, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP HCM	67.500	45,00	6.750.000.000
2	Ông Phạm Hoàng Tuấn	3 Phan Đình Phùng, Phường 2, Thị xã Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	2.726	1,82	272.600.000
3	Và 213 cổ đông khác	Cộng	79.774	53,18	7.977.400.000
			150.000	100	15.000.000.000

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3833 1106

Fax : (84-08) 3830 0253

Mã số thuế : 0 3 0 1 8 8 8 1 9 5

- **Công ty con, Công ty liên kết**

Công ty con:

- Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)
 - + Địa chỉ: Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60,67%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID)
 - + Địa chỉ: Lô I-3b-4a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp. HCM
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%

Số vốn góp vào Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) có thể bị thay đổi vì đang trong giai đoạn góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTCN)

- + Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường 22, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
- + Tỷ lệ phần sở hữu: 30%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%

• **Ngành, nghề kinh doanh**

- Xây dựng, lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Viết Nghiên cứu, sản xuất và lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử và tin học;
- phần mềm;
- Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khóa điện tử, khóa điện tử, văn phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính viễn thông, điện tử, tin học;
- Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử, tin học, điện lạnh, các loại dùng trong viễn thông;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình viễn thông.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Việt Tổng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Giảng	Thành viên
Ông Võ Hùng Tiến	Thành viên
Ông Lê Xuân Tiến	Thành viên
Ông Hồ Lê Nhật Hoan	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Trí	Trưởng ban
Ông Nguyễn Huỳnh Toại	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Tổng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 22).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



TRẦN VIỆT TÙNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

Số: 0090/2012/BCKT-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 2 năm 2012, từ trang 6 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VTC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2012



VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0484/KTV

NGUYỄN VĂN TÀI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1270/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.835.259.316	46.725.271.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2.056.009.188	1.918.051.744
Tiền	111		2.056.009.188	1.918.051.744
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		660.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		660.000.000	-
III. Các khoản phải thu	130		14.189.501.759	34.094.107.426
1. Phải thu của khách hàng	131		11.132.976.775	21.358.748.247
2. Trả trước cho người bán	132		623.924.220	496.892.055
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		2.019.275.591	11.284.890.708
4. Các khoản phải thu khác	138	VI.2	741.868.444	1.018.552.416
5. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(328.543.271)	(64.976.000)
IV. Hàng tồn kho	140		7.527.879.574	7.571.445.582
Hàng tồn kho	141	VI.3	7.527.879.574	7.571.445.582
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.401.868.795	3.141.666.903
1. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	34.103.743
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.4	4.401.868.795	3.107.563.160
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.867.660.090	33.270.214.817
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.522.944.610	4.618.023.989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.5	3.522.944.610	4.605.484.943
- Nguyên giá	222		16.113.950.256	15.944.292.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.591.005.646)	(11.338.807.241)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.6	-	12.539.046
- Nguyên giá	228		216.790.883	256.915.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.790.883)	(244.376.837)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27.402.978.823	25.966.863.977
1. Đầu tư vào Công ty con	251	VI.7	21.402.978.823	20.572.555.687
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	VI.8	6.000.000.000	5.394.308.290
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.941.736.657	2.685.326.851
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	1.897.981.640	1.894.234.779
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		135.560.836	135.560.836
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.10	908.194.181	655.531.236
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		62.702.919.406	79.995.486.472

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.416.295.523	20.909.166.788
I. Nợ ngắn hạn	310		11.014.875.523	20.507.746.788
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.11	112.200.000	3.624.624.776
2. Phải trả cho người bán	312		6.056.687.107	10.183.639.278
3. Người mua trả tiền trước	313		-	325.820.073
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.12	121.525.174	1.794.946.856
5. Phải trả công nhân viên	315		525.391.625	817.756.000
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	886.995.558	560.459.593
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		779.390.564	806.947.120
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.14	2.419.300.410	2.243.301.921
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		113.385.085	150.251.171
II. Nợ dài hạn	330		401.420.000	401.420.000
Doanh thu chưa thực hiện	388		401.420.000	401.420.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.286.623.883	59.086.319.684
I. Nguồn vốn, quỹ	410	VI.15	51.286.623.883	59.086.319.684
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.346.960.000	45.346.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		200.264.000	200.264.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(55.530.000)	(55.530.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.788.928.136	3.788.928.136
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.026.838.547	2.026.838.547
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.015.194.744	1.015.194.744
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1.036.031.544)	6.763.664.257
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		62.702.919.406	79.995.486.472

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- USD		3.141,45	21.555,34



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

TRẦN VIỆT TÔNG
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	29.029.241.184	62.280.971.580
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.029.241.184	62.280.971.580
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	27.659.989.932	52.430.545.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.369.251.252	9.850.426.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	695.453.592	390.320.841
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	566.008.897	745.238.504
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>257.101.390</i>	<i>460.011.830</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	3.819.535.566	3.843.069.239
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	5.908.442.767	5.508.298.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.229.282.386)	144.141.539
11. Thu nhập khác	31	VII.7	429.586.585	331.941.822
12. Chi phí khác	32		-	262.894.302
13. Lợi nhuận khác	40		429.586.585	69.047.520
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(7.799.695.801)	213.189.059
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	-	243.024.836
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(135.560.836)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(7.799.695.801)	105.725.059
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.722)	23



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

TRẦN VIỆT TÙNG
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(7.799.695.801)	213.189.059
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.579.527.451	1.407.128.890
- Các khoản dự phòng	03		263.567.271	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(56.295.427)	106.438.826,00
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(167.041.728)	(111.149.596)
- Chi phí lãi vay	06		257.101.390	460.011.830
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>(5.922.836.844)</i>	<i>2.075.619.009</i>
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		17.203.405.737	10.977.460.796
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		43.566.008	(280.536.899)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.957.830.011)	(5.148.523.727)
- Giảm chi phí trả trước	12		(3.746.861)	111.455.803
- Tiền lãi vay đã trả	13		(257.101.390)	(460.011.830)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(243.024.836)	(1.110.949.410)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		924.767.822	1.712.847.423
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.722.469.211)	(2.857.305.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.064.730.414	5.020.055.172
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(484.448.072)	(369.218.883)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		113.132.000	298.622.727
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(660.000.000)	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.436.114.846)	(322.018.631)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53.909.728	111.149.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.413.521.190)	(281.465.191)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	4.846.110.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.537.671.196	6.326.353.963
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.050.095.972)	(15.618.309.812)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.846.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.512.424.776)	(9.291.955.849)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		138.784.448	(4.553.365.868)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.918.051.744	6.471.417.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(827.004)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	2.056.009.188	1.918.051.744



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012

TRẦN VIỆT TÔNG
Tổng Giám đốc

Phuong
TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ Phần Viễn Thông VTC (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Xây dựng, lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
 - Viết Nghiên cứu, sản xuất và lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử và tin học;
 - phần mềm;
 - Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khóa điện tử, khoá điện tử, văn phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý ký gửi hàng hóa;
 - Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính viễn thông, điện tử, tin học;
 - Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
 - Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử, tin học, điện lạnh, các loại dùng trong viễn thông;
 - Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình viễn thông.
4. **Công ty con, Công ty liên kết**
Công ty con:
 - Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)
 - + Địa chỉ: Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,21%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
 - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID)
 - + Địa chỉ: Lô I-3b-4a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp HCM
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%

Số vốn góp vào Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) có thể bị thay đổi vì đang trong giai đoạn góp vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTCN):

- + Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường 22, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
- + Tỷ lệ phần sở hữu: 30%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo	Ngày 31/12/2010:	18.932 VND/USD
	Ngày 31/12/2011:	20.828 VND/USD

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm (phần mềm kế toán, phần mềm cài đặt máy IBM,...) vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí sửa chữa nhà xưởng và chi phí thuê đất tại khu Công nghệ cao quận 9. Tuy nhiên khoản chi phí này Công ty không phân bổ vào chi phí trong kỳ do đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ để chuyển nhượng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí dự án BTS Gtel Huawei Việt Nam năm 2009, dự án lắp đặt 350 trạm BTS Huawei, dự án HT Mobile huawei..., được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng hoặc các chi phí đã chi tương tự kỳ trước.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động lắp đặt các thiết bị viễn thông, xây dựng công trình viễn thông, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị viễn thông và trạm BTS ..., Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua, Công ty tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu các dự án cung cấp lắp đặt được xác định theo khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền	1.640.145	52.174.403
Tiền VND	1.640.145	52.174.403
(b) Tiền gửi ngân hàng	2.054.369.043	1.865.877.341
Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam	144.542.402	118.882.965
+ Tiền VND	144.542.402	118.882.965
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	505.167.210	16.457.422
+ Tiền VND	499.572.184	5.393.021
+ Tiền USD quy đổi sang VND	5.595.026	11.064.401
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	8.252.686	12.109.823
+ Tiền VND	8.252.686	12.109.823
Ngân hàng Incombank	946.074.834	664.878.673
+ Tiền VND	886.239.322	634.317.706

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Tiền USD quy đổi sang VND	59.835.512	30.560.967
Ngân hàng Chinatrust	150.213.770	1.002.370.060
+ Tiền VND	1.752.203	635.909.714
+ Tiền USD quy đổi sang VND	148.461.567	366.460.346
Công ty chứng khoán SSI	3.295.964	3.295.964
+ Tiền VND	3.295.964	3.295.964
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	1.041.778	1.041.778
+ Tiền VND	1.041.778	1.041.778
Ngân hàng Standard Chartered	295.780.399	46.840.656
+ Tiền VND	295.780.399	46.840.656
Cộng	<u>2.056.009.188</u>	<u>1.918.051.744</u>
2. Các khoản phải thu khác		
Phải thu nhân viên	11.030.770	70.617.988
Bảo Hiểm Xã Hội	17.816.587	18.971.881
Công ty Cổ phần Tích Hợp (ITE)	46.626.200	24.488.419
Khác	666.394.887	904.474.128
Cộng	<u>741.868.444</u>	<u>1.018.552.416</u>
3. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	1.140.359.134	1.081.297.295
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.641.915.644	2.800.685.464
Thành phẩm	93.904.300	93.904.300
Hàng hóa	2.569.687.203	2.488.032.698
Hàng gửi đi bán	82.013.293	1.107.525.825
Cộng	<u>7.527.879.574</u>	<u>7.571.445.582</u>
4. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng công nhân viên thực hiện công việc (*)	4.147.181.565	2.788.593.640
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	254.687.230	318.969.520
Cộng	<u>4.401.868.795</u>	<u>3.107.563.160</u>

(*) Khoản tạm ứng cho nhân viên thực hiện công trình các trạm BTS cho Vinaphone và Huawei, các khoản này sẽ hoàn ứng khi công trình hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	2.528.620.600	7.009.066.742	4.344.441.452	2.062.163.390	15.944.292.184
2. Tăng trong năm	-	514.523.072	-	10.050.000	524.573.072
3. Giảm trong năm	-	-	354.915.000	-	354.915.000
4. Số cuối năm	2.528.620.600	7.523.589.814	3.989.526.452	2.072.213.390	16.113.950.256
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	632.155.158	5.553.863.047	3.227.364.315	1.925.424.721	11.338.807.241
2. Tăng trong năm	252.862.062	925.427.691	318.713.232	110.110.420	1.607.113.405
3. Giảm trong năm	-	-	354.915.000	-	354.915.000
4. Số cuối năm	885.017.220	6.479.290.738	3.191.162.547	2.035.535.141	12.591.005.646
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	1.896.465.442	1.455.203.695	1.117.077.137	136.738.669	4.605.484.943
2. Số cuối năm	1.643.603.380	1.044.299.076	798.363.905	36.678.249	3.522.944.610

Đơn vị tính: VND

Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

7.602.945.425

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

1.119.184.702

6. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>
I. Nguyên giá	
1. Số đầu năm	256.915.883
2. Tăng trong năm	-
3. Giảm trong năm	40.125.000
4. Số cuối năm	216.790.883
II. Hao mòn lũy kế	
1. Số đầu năm	244.376.837
2. Tăng trong năm	10.031.256
3. Giảm trong năm	37.617.210
4. Số cuối năm	216.790.883
III. Giá trị còn lại	
1. Số đầu năm	12.539.046
2. Số cuối năm	-

7. Đầu tư vào Công ty con

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)	2.202.978.823	1.372.555.687
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID)	19.200.000.000	19.200.000.000
Cộng	<u>21.402.978.823</u>	<u>20.572.555.687</u>

Khoản đầu tư vào Công ty con phản ánh vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID) với giá trị vốn góp cuối kỳ tương ứng 2.202.978.823 VND và 19.200.000.000 VND chiếm tỷ lệ 71,63% và 60% vốn điều lệ của các Công ty này.

8. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTCN)	6.000.000.000	5.394.308.290
Cộng	<u>6.000.000.000</u>	<u>5.394.308.290</u>

Đầu tư vào Công ty liên kết phản ánh khoản vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTCN) với giá trị vốn góp tương ứng 6.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 30%.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng trạm BTS	94.475.408	90.728.547
Thuê đất khu công nghệ cao (*)	1.803.506.232	1.803.506.232
Cộng	<u>1.897.981.640</u>	<u>1.894.234.779</u>

(*) Khoản chi phí này Công ty không phân bổ vào chi phí trong kỳ do đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ để chuyển nhượng.

10. Tài sản dài hạn khác

Công ty Tài chính Bưu điện - FTP	600.000.000	600.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	215.000.000	33.750.000
Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam	71.407.945	-
Khác	21.786.236	21.781.236
Cộng	<u>908.194.181</u>	<u>655.531.236</u>

11. Vay và nợ ngắn hạn

Ngân hàng China Trust	-	3.266.824.776
Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam (*)	112.200.000	357.800.000
Cộng	<u>112.200.000</u>	<u>3.624.624.776</u>

(*) Hợp đồng: 1725/TD-TL ngày 21 tháng 09 năm 2009

Số tiền vay	: 406.000.000 VND
Mục đích vay	: Mua tài sản cố định
Thời hạn vay	: 36 tháng
Lãi suất	: Lãi suất thả nổi
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

STT		Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.549.254.981	2.954.411.229	4.413.341.104	90.325.106
2	Thuế xuất nhập khẩu	-	211.490.416	211.490.416	-
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.367.667	3.367.667	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	243.024.836	-	243.024.836	-
5	Các loại thuế khác	(31.436.704)	373.033.800	310.397.028	31.200.068
	- Thuế thu nhập cá nhân (*)	(31.436.704)	369.033.800	306.397.028	31.200.068
	- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
	Cộng	1.760.843.113	3.538.935.445	5.178.253.384	121.525.174

(*) Khoản thuế được trình bày trên phần thuế và các khoản phải thu Nhà nước

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
- + Doanh thu bảo dưỡng, sửa chữa : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số V.11

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án BTS Gtel Huawei Vietnam - 2009 (*)	243.423.488	243.423.488
Dự án HT mobile Huawei	77.212.625	77.212.625
Lắp đặt 350 trạm BTS Huawei	-	157.623.480
Lắp đặt tổng đài công trình CNHN	82.200.000	82.200.000
Dự án LD 290 Vinaphone (*)	208.704.900	-
Chi phí khác	275.454.545	-
Cộng	886.995.558	560.459.593

(*) Chi phí chờ quyết toán lại với các đơn vị nhận khoán.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Bảo hiểm y tế	18.144.006	20.538.504
Kinh phí công đoàn	363.953.157	548.689.464
Bảo hiểm thất nghiệp	13.815.397	13.902.920
Cổ tức phải trả	80.728.000	80.728.000
Công ty TNHH ĐT&PT Công Nghệ Thông Minh (STID)	1.569.734.491	1.306.268.204
Các khách hàng khác	372.925.359	273.174.829
Cộng	2.419.300.410	2.243.301.921

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ Khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	3.788.928.136	2.026.838.547	1.015.194.744	6.763.664.257	59.086.319.684
Phát sinh trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(7.799.695.801)	(7.799.695.801)
Số cuối năm	45.346.960.000	200.264.000	(55.530.000)	3.788.928.136	2.026.838.547	1.015.194.744	(1.036.031.544)	51.286.623.883

Chi tiết vốn cổ phần tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	2.115.663	21.156.634.000	46,66
Vốn góp của các đối tượng khác	2.419.033	24.190.326.000	53,34
Cộng	4.534.696	45.346.960.000	100,00
Cổ phiếu			
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		4.534.696	4.534.696
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		4.534.696	4.534.696
- Cổ phiếu phổ thông		4.534.696	4.534.696
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		5.553	5.553
- Cổ phiếu phổ thông		5.553	5.553
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		4.529.143	4.529.143
- Cổ phiếu phổ thông		4.529.143	4.529.143
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)		10.000	10.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá	13.474.728.423	39.556.506.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.554.512.761	22.724.465.038
Doanh thu thuần	29.029.241.184	62.280.971.580

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán	27.659.989.932	52.430.545.108
Cộng	27.659.989.932	52.430.545.108

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	53.909.728	111.149.596
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	549.820.061	233.967.245
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	91.723.803	45.204.000
Cộng	<u>695.453.592</u>	<u>390.320.841</u>

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	257.101.390	460.011.830
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	192.586.413	121.220.780
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.428.376	151.642.826
Chi phí tài chính khác	80.892.718	12.363.068
Cộng	<u>566.008.897</u>	<u>745.238.504</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	971.969.215	910.198.910
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	36.113.469	64.015.054
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.866.245	156.753.165
Chi phí bảo hành	42.609.374	-
Chi phí dự phòng	542.355.001	326.720.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.479.331	465.495.436
Chi phí bằng tiền khác	1.764.142.931	1.919.886.331
Cộng	<u>3.819.535.566</u>	<u>3.843.069.239</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.172.944.875	2.431.321.501
Chi phí vật liệu quản lý	26.546.574	40.897.413
Chi phí đồ dùng văn phòng	43.311.797	50.556.218
Chi phí khấu hao	142.256.566	123.591.697
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	11.887.028
Chi phí dự phòng	263.567.271	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.135.854.563	1.093.995.296
Chi phí bằng tiền khác	2.120.961.121	1.756.048.878
Cộng	<u>5.908.442.767</u>	<u>5.508.298.031</u>

7. Thu nhập khác

Thanh lý TSCĐ	113.132.000	287.872.727
Thu tiền bồi thường	11.801.165	1.483.272
Thu nhập khác	304.653.420	42.585.823
Cộng	<u>429.586.585</u>	<u>331.941.822</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	(7.799.695.801)	213.189.059
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	554.437.522	758.910.287
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	554.437.522	758.910.287
Thu nhập chịu thuế	(7.245.258.279)	972.099.346
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	243.024.837

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% lợi nhuận thu được.

Năm 2011, Công ty kinh doanh thua lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Quan hệ	Nghiệp vụ	Phát sinh
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID)	Công ty con	Mua hàng	7.833.074.750
		Phải trả khác	818.370.022
		Phải thu khác	534.886.265
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)	Công ty con	Phải thu khác	73.111.942

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)		
Phải thu khác	46.626.200	24.488.419
Mua hàng	-	320.628.100
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID)		
Mua hàng	907.000.535	5.833.717.535
Phải trả khác	1.569.734.491	1.306.268.204
Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTCN)		
Phải thu khác	17.001.345	17.001.345

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Ban Giám đốc	715.783.463
Hội đồng quản trị	223.100.000

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	45,72	58,41
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	54,28	41,59
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	18,25	26,14
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	81,75	73,86
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	5,48	3,83
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,60	2,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,91	1,91
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(27,82)	0,34
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	(27,82)	0,17
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(12,94)	0,27
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(12,94)	0,13
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	(15,83)	0,18

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012



TRẦN VIỆT TÙNG
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG
Kế toán trưởng